# *ĐỊA 8 CÁNH DIỀU*

# *Chương 1*: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ,

# ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

***Bài 1:***

**VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM**

**(Thời gian thực hiện: tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam

- Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.

***2. Phẩm chất:***

***- Chăm chỉ:*** Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.

***- Nhân ái:*** Yêu nước, có trách nhiệm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

***- Trách nhiệm:*** Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).

- Yêu khoa học, ham học hỏi.

***3. Năng lực:***

***- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:*** Thông qua việc trình bày đặc điểm vị trí địa lí và phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.

***- Năng lực tìm hiểu địa lí:*** Thông qua việc sử dụng các công cụ địa lí học như: Bản đồ vị trí Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á, tranh ảnh liên liên quan đến tự nhiên Việt Nam.

***- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*** Thông qua việc trả lời các câu hỏi mang tính vận dụng, liên hệ giữa địa phương em và các địa phương khác.

***- Năng lực chung:***

***+ Năng lực tự chủ và tự học:*** Thông qua việc chủ động tìm hiểu nội dung bài học.

***+ Năng lực giao tiếp và hợp tác:*** thông qua các hoạt động nhóm, cặp đôi và quá trình tham gia tích cực vào giờ học trên lớp. Giải quyết vấn đề sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

***1. Giáo viên:***

***- Thiết bị dạy học:*** Máy tính, máy chiếu. Bản đồ vị trí Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á. Tranh ảnh về các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của nước ta.

***- Học liệu:*** SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 8.

***2. Học sinh:*** SGK, SBT Lịch sử và Địa lí 8.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp.**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới.**

☼ **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG.**

❖ ***Mục tiêu:*** HS dựa vào vốn hiểu biết về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của nước ta, từ đó GV có thể kết nối những kiến thức HS đã có với nội dung bài mới.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về nội dung và nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và hoàn thành bảng KWL:

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** HS thảo luận theo cặp đôi và hoàn thành bảng KWL:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K** | **W** | **L** |
| Hãy chia sẻ những điều em biết về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của nước ta. | Hãy chia sẻ những điều em muốn biết về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của nước ta. | Hãy chia sẻ những điều em đã học được về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của nước ta. |

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: suy nghĩ, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.

• ***GV:*** GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

⯎ **GV chuẩn KT:**

***- Vị trí địa lí:***

+ Nằm trên bán đảo Đông Dương, ở gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.

+ Nằm trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc, trung tâm hoạt động của gió mùa châu Á.

+ Nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều sinh vật trên đất liền và trên biển.

+ Nằm ở nơi giao nhau của hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

+ Là nơi có nhiều thiên tai và chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu.

***- Phạm vi lãnh thổ:*** Bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.

*-****Ảnh hưởng****:*

+ Khí hậu: Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

+ Sinh vật: Tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng.

+ Khoáng sản: Là nơi giao nhau của hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải tạo nên nguồn tài nguyên đa dạng: Than, dầu mỏ, khí đốt, …

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV tóm tắt ý kiến của HS và dẫn dắt vào bài học: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ là nhân tố góp phần vào việc hình thành các đặc điểm tự nhiên của mỗi quốc gia. Điều này được thể hiện rất rõ ở nước ta. Vậy vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của nước ta có đặc điểm gì? Vị trí và phạm vi lãnh thổ có ảnh hưởng như thế nào tới sự hình thành đặc điểm tự nhiên của Việt Nam, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay. *-* ***Bài 1: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam.***

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  HS vận dụng kiến thức của bản thân để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**° *NV1.*** - Việt Nam nằm ở châu Á, thuộc khu vực Đông Nam Á.

- Việt Nam giáp với biển Đông

- Toạ độ và vị trí tiếp giáp của lãnh thổ Việt Nam

- Phạm vi lãnh thổ Việt Nam

- Ảnh hưởng của vị trí địa lí tới tự nhiên và đời sống.

☼ **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**➀ Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam:**

**Hoạt động 1.1: Tìm hiểu về vị trí địa lí.**

❖ ***Mục tiêu:*** Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí Việt Nam.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** HS quan sát hình ảnh, nội dung SGK để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về nội dung và nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong bài, quan sát hình 1.1 để tìm hiểu nội dung bài học tìm ra những đặc điểm về vị trí địa lí của nước ta

- GV đưa ra một số nhiệm vụ để HS thực hiện, như:

**°** ***Nhiệm vụ 1.***Xác định vị trí của Việt Nam trên hình 1.1, Chỉ và đọc tên một số đảo và quần đảo của nước ta.

**°** ***Nhiệm vụ 2.***Cho biết phần đất liền của Việt Nam giáp với các quốc gia và biển nào.

**°** ***Nhiệm vụ 3.***Xác định các điểm cực và đọc toạ độ địa lí của các điểm cực đó.

**°** ***Nhiệm vụ 4.***Kể tên các nước có chung Biển Đông với Việt Nam. Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của nước ta.

******

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Dựa vào thông tin trong bài và quan sát Bản đồ hành chính Việt Nam, hình 1.1, trao đổi với bạn để trả lời các nhiệm vụ học tập. Đối với nhiệm vụ xác định toạ độ địa lí các điểm cực, chỉ dựa vào bản đồ sẽ khó xác định được chính xác đến độ, phút, giây.

• ***GV:*** Có thể cung cấp thông tin cho HS để từ đó các em dựa vào các đường kinh vĩ tuyến của bản đồ và tìm ra các điểm cực của nước ta.

***- GV cần lưu ý với HS:***

+ Biển Đông là biển chung của nhiều nước: Việt Nam, Trung Quốc, Cam-pu-chia, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po.

+ Vị trí của một quốc gia được xét trên nhiều khía cạnh như: vị trí về tự nhiên, vị trí về kinh tế, vị trí về an ninh quốc phòng, vị trí xã hội.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Mời đại diện HS trình bày kết quả thảo luận; Mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**- GV mở rộng:**

*+* Điểm cực Bắc của nước ta nằm ở xã Lũng Cú huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

+ Điểm cực Nam nằm ở xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau,

+ Điểm cực Đông nằm ở xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hóa,

+ Điểm cực Tây nằm ở xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

<https://www.youtube.com/watch?v=sq-KckyNGQw>

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức 🠦 vào bài học và chuyển sang nội dung mới.

**I. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam:**

***1. Đặc điểm vị trí địa lí:***

- Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, ở gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á, vừa gắn với lục địa Á - Âu, vừa tiếp giáp với Biển Đông và thông ra Thái Bình Dương.

- Phần lãnh thổ đất liền nước ta kéo dài từ vĩ độ 8°34'B đến vĩ độ 23°23′B và từ kinh độ 102°9'Đ đến kinh độ 109°28'Đ.

- Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ 6°50’B và từ khoảng kinh độ 101°Đ đến khoảng kinh độ 117 °20’Đ trên Biển Đông.

- Vị trí địa lí của nước ta có các đặc điểm là:

+ Nằm trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc, trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á.

+ Nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài sinh vật trên đất liền và trên biển.

+ Nằm ở nơi giao nhau của hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:*** Đặc điểm vị trí địa lí Việt Nam.

**° *NV1.* *Xác định vị trí của Việt Nam trên hình 1.1. Chỉ và đọc tên một số đảo và quần đảo của nước ta như:*** Quần đảo Hoàng Sa (Quảng Nam); Quần đảo Trường Sa (Đà Nẵng); Đảo Phú Quốc (Kiên Giang); Đảo Bạch Long Vĩ (Quảng Ninh); Đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị)...

**° *NV2.*** ***Phần đất liền của Việt Nam giáp với các quốc gia và biển:.***

 - Phần đất liền của nước ta: Nằm trên bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam Á. Phần đất liền nước ta giáp với 3 nước phía Bắc giáp với Trung Quốc, Phía Tây giáp với Lào và Camphuchia; phía Đông giáp với biển Đông.

- Biển bao bọc phần phía Đông nước ta, tên biển là Biển Đông.

**° *NV3.*** ***Xác định các điểm cực và đọc toạ độ địa lí của các điểm cực đó.***

+ Nằm trên bán đảo Đông Dương, ở gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.

+ Phần lãnh thổ đất liền nước ta kéo dài từ vĩ độ 8°34’B đến vĩ độ 23°23’B và từ kinh độ 102°09’Đ đến kinh độ 109°24’Đ.

+ Vùng biển nước ta kéo dài từ khoảng vĩ độ 6°50’B từ kinh độ 101°Đ đến kinh độ 117°20’Đ trên Biển Đông.

**°** ***NV4.*** ***Kể tên các nước có chung Biển Đông với Việt Nam:*** Trung Quốc, Phi-lip-pin, Sin-ga-po, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan.

***- Vị trí địa lí của nước ta có các đặc điểm nổi bật:***

+ Nằm trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc, trung tâm hoạt động của gió mùa châu Á.

+ Nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều sinh vật trên đất liền và trên biển.

+ Nằm ở nơi giao nhau của hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

+ Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai và chịu ảnh hưởng mạnh của biến đổi khí hậu.

**Hoạt động 1.2: Tìm hiểu về phạm vi lãnh thổ:**

❖ ***Mục tiêu:*** HS quan sát hình ảnh, nội dung SGK trình bày được đặc điểm phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV có thể cho HS làm việc theo cặp để hoàn thành sơ đồ về phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

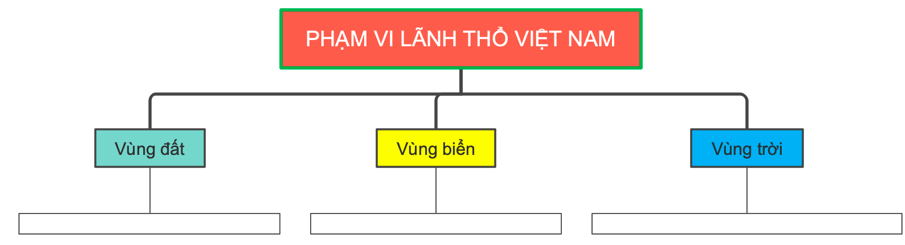
❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về nội dung và nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** GV có thể cho HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ sau:

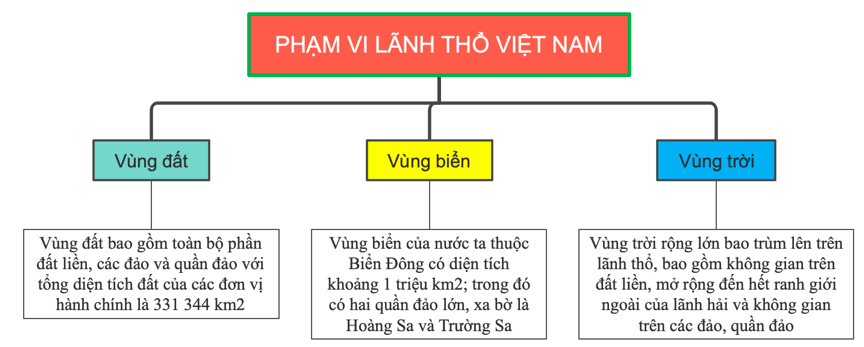
**°** ***Nhiệm vụ 1.*** HS làm việc theo cặp để hoàn thành sơ đồ về phạm vi lãnh thổ Việt Nam:

**



⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: HS trong nhóm cần đọc kĩ thông tin, trao đổi để hiểu rõ về các bộ phận lãnh thổ nước ta.



• ***GV:*** GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** GV gọi đại diện nhóm trình bày trên sơ đồ hoặc trình bày dựa vào bản đồ.

**⮚ *Lưu ý:*** Vùng đất bao gồm đất liền và các đảo, quần đảo; vùng biển của Việt Nam là một phần của Biển Đông.

=> Lãnh thổ Việt Nam thống nhất và toàn vẹn, bao gồm ba bộ phận: vùng đất, vùng biển và vùng trời.

***- Vùng đất:*** bao gồm toàn bộ phần đất liền, đảo và quần đảo có tổng diện tích là khoảng 331344 km2(theo Niên giám Thống kê năm 2021).

+ Đường biên giới trên đất liền có tổng chiều dài là 5000 km, tiếp giáp với ba quốc gia: Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia.

+ Đường bờ biển nước ta kéo dài 3260 km, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

***- Vùng biển:***Vùng biển của Việt Nam thuộc Biển Đông, có tổng diện tích là 1 triệu km2.

+ Trong vùng biển Việt Nam có hàng nghìn đảo, quần đảo; trong đó có hai quần đảo lớn, xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa.

***- Vùng trời:***  Rộng lớn bao trùm lên trên lãnh thổ, bao gồm không gian trên đất liền, mở rộng đến hết ranh giới ngoài của lãnh hải và không gian trên các đảo, quần đảo.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Nhận xét, phân tích kết quả sản phẩm học tập của các nhóm, tổng hợp các ý kiến của HS, chính xác hoá nội dung học tập và kết nối vào nội dung bài học.

***2. Phạm vi lãnh thổ:***

- Vùng đất bao gồm toàn bộ phần đất liền, các đảo và quần đảo với tổng diện tích đất của các đơn vị hành chính là 331.344 km2.

+ Đường biên giới trên đất liền của nước ta có chiều dài gần 5.000 km, tiếp giáp với ba quốc gia là: Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia.

+ Đường bờ biển của nước ta có chiều dài 3.260 km, kéo dài từ thành phố Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) đến thành phố Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang), có dáng cong hình chữ S.

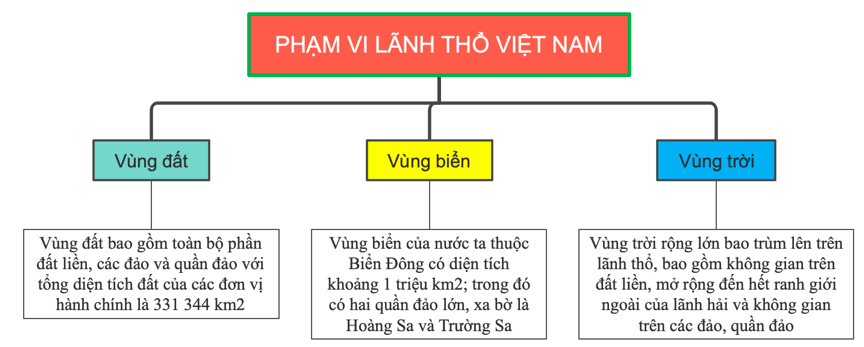
- Vùng biển của nước ta thuộc Biển Đông có diện tích khoảng 1 triệu km2; trong đó có hai quần đảo lớn, xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa.

- Vùng trời rộng lớn bao trùm lên trên lãnh thổ, bao gồm không gian trên đất liền, mở rộng đến hết ranh giới ngoài của lãnh hải và không gian trên các đảo, quần đảo.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  Đặc điểm phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

**° *NV1.***



***- Một số đảo và quần đảo của nước ta như:*** Quần đảo Hoàng Sa (Quảng Nam); Quần đảo Trường Sa (Đà Nẵng); Đảo Phú Quốc (Kiên Giang); Đảo Bạch Long Vĩ (Quảng Ninh); Đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị)...

**➁ Hoạt động 2: Tìm hiểu về ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam:**

❖ ***Mục tiêu:*** Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** HS quan sát hình ảnh, nội dung SGK làm việc nhóm thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn (4hs/nhóm), và hoàn thành bảng.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** HS làm việc nhóm thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn (4hs/nhóm), đọc thông tin mục III và hoàn thành bảng sau:

• ***GV:*** GV cho HS làm việc nhóm thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn (4hs/nhóm), đọc thông tin mục III và hoàn thành bảng.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** HS làm việc nhóm thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn (4hs/nhóm), đọc thông tin mục III và hoàn thành bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ** | **Biểu hiện** |
| Đối với khí hậu |  |
| Đối với sinh vật |  |
| Đối với khoáng sản |  |

**°** ***Nhiệm vụ 2.***

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Ngồi vào vị trí như hình vẽ minh họa. Tập trung vào câu hỏi đặt ra. Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về chủ đề...). Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng 5 phút. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời. Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0).

• ***GV:*** Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

***GV lưu ý:*** HS thường chỉ phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Tuy nhiên, yêu cầu cần đạt của bài học là sự ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam (phạm vi rộng hơn), có nghĩa là ảnh hưởng tới tất cả các thành phần tự nhiên*.*

- GV có thể định hướng thêm cho HS hiểu rõ hơn về sự phân hoá khí hậu từ bắc vào nam, từ tây sang đông.... GV đưa ra một số câu hỏi để HS tìm hiểu như

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

***GV lưu ý:*** HS thường chỉ phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Tuy nhiên, yêu cầu cần đạt của bài học là sự ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam (phạm vi rộng hơn), có nghĩa là ảnh hưởng tới tất cả các thành phần tự nhiên.

- GV có thể định hướng thêm cho HS hiểu rõ hơn về sự phân hoá khí hậu từ bắc vào nam, từ tây sang đông.... GV đưa ra một số câu hỏi để HS tìm hiểu.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Gọi đại diện một số nhóm đã hoàn thành để trình bày kết quả làm việc. GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và chuyển sang Hoạt động Luyện tập.

**II. Ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam:**

**- *Đối với khí hậu:***

+ Vị trí địa lí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, trong khu vực hoạt động của Tín phong và gió mùa châu Á, lại tiếp giáp với Biển Đông nên khí hậu thể hiện rõ tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, với nhiệt độ trung bình năm cao, lượng mưa và độ ẩm lớn, có hai mùa gió (gió mùa hạ và gió mùa đông).

+ Đặc điểm lãnh thổ kết hợp với hoạt động của các khối khí và bức chắn địa hình làm cho khí hậu nước ta phân hoá từ bắc vào nam và từ tây sang đông.

+ Tuy nhiên, vị trí địa lí làm cho nước ta chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai và biến đổi khí hậu như: bão, lũ lụt, hạn hán, nước biển dâng,…

**- *Đối với sinh vật*:** Do vị trí địa lí nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài sinh vật nên Việt Nam có tài nguyên sinh vật rất phong phú, đa dạng. Ngoài sinh vật nhiệt đới, nước ta còn có cả các loài sinh vật cận nhiệt đới và ôn đới.

**- *Đối với khoáng sản*:** Do vị trí địa lí nằm ở nơi giao nhau của hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải nên Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng với nhiều loại như: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bô-xit, a-pa-tit, đã vôi, sét, cao lanh.....

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:*** Ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.

**° *NV1. Hoàn thành bảng:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ*** | ***Biểu hiện*** |
| Đối với khí hậu. | ***- Vị trí địa lí:*** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, trong khu vực hoạt động của Tín phong và gió mùa châu Á, tiếp giáp với Biển Đông nên khí hậu thể hiện rõ tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.  ***- Đặc điểm lãnh thổ*** kết hợp với hoạt động của các khối khí và bức chắn địa hình làm cho khí hậu nước ta phân hoá từ bắc vào nam và từ tây sang đông.  - Tuy nhiên, vị trí địa lí làm cho nước ta chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai và biến đổi khí hậu như: bão, lũ lụt, hạn hán, nước biển dâng,… |
| Đối với sinh vật. | - Do vị trí địa lí nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài sinh vật nên có tài nguyên sinh vật rất phong phú, đa dạng. Ngoài ra, nước ta còn có cả các loài sinh vật cận nhiệt đới và ôn đới. |
| Đối với khoáng sản. | - Do vị trí địa lí nằm ở nơi giao nhau của hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải nên có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng với nhiều loại như: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bô-xit, a-pa-tit, đã vôi, sét, cao lanh..... |

☼ **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

❖ ***Mục tiêu:*** Thông qua hoạt động giúp học sinh củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng bài học, góp phần hình thành kĩ năng mới cho HS.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.Hoàn thành các câu hỏi, bài tập.

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK và kiến thức bài học để tìm hiểu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** Trình bày cụ thể nội dung, nhiệm vụ được giao cho HS và tổ chức cho HS làm việc nhóm/cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ:

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng.

***Câu 1*:** ***Vị trí địa lí quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính?***

A. Nhiệt đới khô. **B. Nhiệt đới ẩm gió mùa.**

C. Cận nhiệt đới khô. D. Cận nhiệt đới ẩm gió mùa.

***Câu 2:******Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, trong khu vực ảnh hưởng của chế độ gió Mậu dịch và gió mùa châu Á nên?***

*A*. Có nhiều tài nguyên khoáng sản. **B. Có khí hậu hai mùa rõ rệt.**

C. Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá. D. Thảm thực vật bốn mùa xanh tốt.

***Câu 3:******Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ?***

A. Lãnh thổ kéo dài từ 8º34’B đến 23º23’B nên thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.

B. Nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.

C. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.

**D. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.**

***Câu 4:******Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lí nước ta là?***

A. Có vị trí đặc biệt quan trọng ở vùng Đông Nam Á, khu vực kinh tế rất năng động và nhạy cảm với những biến động chính trị thế giới.

**B. Tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.**

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước.

D. Quy định thiên nhiên nước ta là thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

***Câu 5: Nước ta có không có chung đường biên giới với ba quốc gia nào?***

A. Trung Quốc. **B. Thái Lan.**

C. Lào. D. Cam-pu-chia.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SGK:Vẽ sơ đồ thể hiện các bộ phận hợp thành lãnh thổ Việt Nam.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

• ***GV:*** GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Tổ chức, điều hành, lắng nghe, gọi đại diện một số HS phát biểu ý kiến, nhận xét và bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Nhận xét, phân tích kết quả sản phẩm học tập của các nhóm, tổng hợp các ý kiến của HS, chính xác hoá nội dung học tập và kết nối vào bài học.

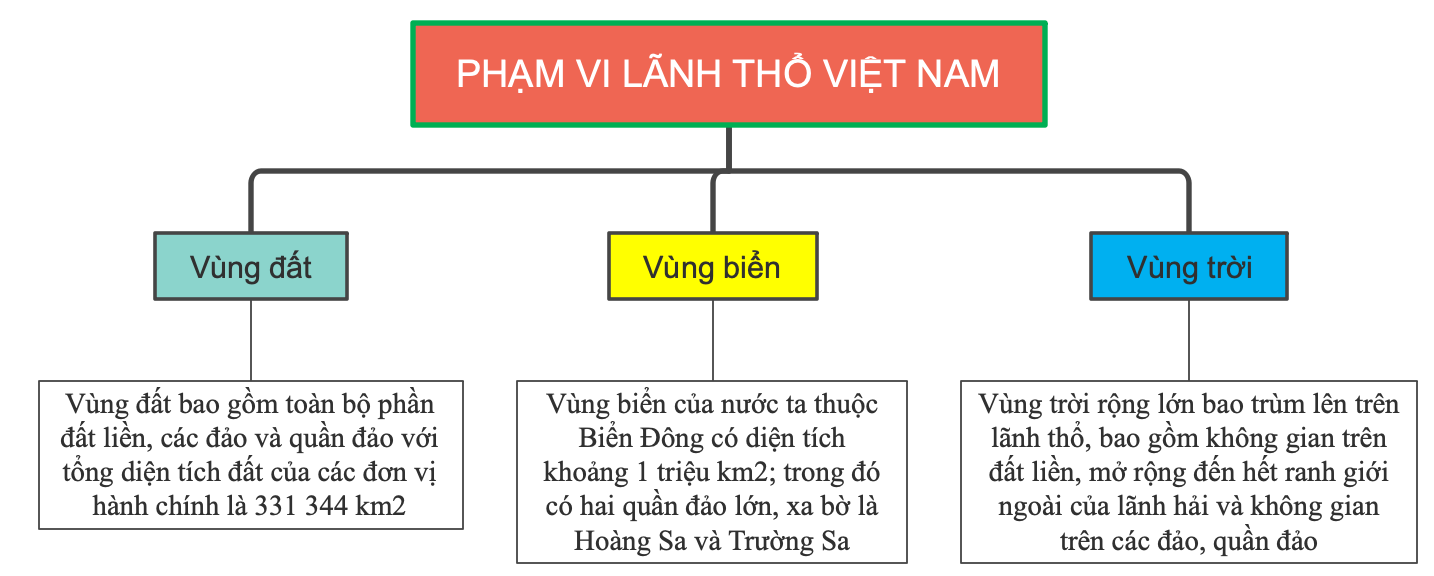
• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:***

**° *NV1.*** ***HS chọn được đáp án đúng cho câu hỏi trắc nghiệm.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** |
| B | B | D | B | B |

**° *NV2. Hoàn thành sơ đồ:***



☼ **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.**

❖ ***Mục tiêu:*** Thông qua hoạt động, HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn để hiểu sâu sắc hơn nội dung bài học.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV nêu nhiệm vụ; HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK và nội dung bài học để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** yêu cầu HS thảo luận nhóm và thực hiện các bài tập.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Hãy tìm hiểu những thuận lợi của một số quốc gia trên biển.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

• ***GV:*** Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Yêu cầu HS báo cáo kết quả làm việc vào đầu giờ học sau. GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ kết thúc bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh.

**° *NV1.*** ***Những thuận lợi của một số quốc gia có biển:***

- Biển nước ta rất giàu hải sản, có nhiều vũng, vịnh, tạo điều kiện cho nước ta phát triển ngành đánh bắt và nuôi trồng hải sản, phát triển giao thông vận tải trên biển.

- Cảnh quan ven bờ tạo điều kiện phát triển du lịch. Ven biển có nhiều bãi tắm đẹp: Vũng Tàu, Cát Bà, Hạ Long.

- Các khoáng sản như dầu khí, titan, cát trắng cung cấp nguyên liệu và vật liệu.

- Tạo điều kiện cho phát triển nghề muối.

**4. Nhận xét, dặn dò:** (2 phút)

⯎ ***Đối với bài học ở tiết học này:***

- Học kĩ nội dung bài.

- Làm BT ở phần luyện tập và vận dụng sau bài học/SGK. (Bài 1 trong Sách bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí).

⯎ ***Đối với bài học ở tiết học sau:***

***-*** Đọc và tìm hiểu trước ***Bài 2: Địa hình việt Nam.***

***+ Tìm hiểu:***

1*.* Đặc điểm chung của địa hình VN.

2. Đặc điểm các khu vực địa hình.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM:**

….………………………………………………………………………………….

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

**Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com**

**https://www.facebook.com/groups/vnteach/**

**https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/**

## ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

***Bài 2:***

**(Thời gian thực hiện: 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

- Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

***2. Phẩm chất:***

***- Chăm chỉ:*** Chăm chỉ và có trách nhiệm trong học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.

***- Nhân ái:*** Yêu thiên nhiên, đất nước Việt Nam.

***- Trách nhiệm:*** Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).

***3. Năng lực:***

***- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:*** Thông qua việc trình bày một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam; trình bày đặc điểm của các khu vực địa hình (địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa).

***- Năng lực tìm hiểu địa lí:*** thông qua việc khai thác internet hoặc các nguồn tài liệu liên quan khác, lấy ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.

***- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*** Thông qua kiến thức bài học vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc cập nhật tin và liên hệ thực tế về địa hình ở địa phương em.

***- Năng lực chung:***

***+ Năng lực tự chủ và tự học:*** Thông qua việc chủ động tìm kiếm thông tin, tranh ảnh vệ các khu vực địa hình của nước ta.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc tìm ý tưởng để trình bày đặc điểm về các khu vực địa hình nước ta.

***+ Năng lực giao tiếp và hợp tác:*** Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm; Giải quyết vấn đề sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

***1. Giáo viên:***

***- Thiết bị dạy học:*** SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 8; Máy tính, máy chiếu; Bản đồ phân tầng độ cao địa hình Việt Nam; Tranh ảnh liên quan đến các khu vực địa hình của nước ta, một số hoạt động khai thác kinh tế của con người; Phiếu học tập (nếu có).

***- Học liệu:*** SGK, sách GV địa lí 8.

***2. Học sinh:*** SBT Lịch sử và Địa lí 8, vở ghi. Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp.**

**2. Kiểm tra bài cũ.**

**HS làm câu trắc nghiệm:**

***Câu 1. Nhờ tiếp giáp với biển nên nước ta có?***

A. Nền nhiệt độ cao, nhiều ánh nắng. B. Nhiều tài nguyên khoáng sản và sinh vật.

**C. Thiên nhiên xanh tốt, giàu sức sống.** D. Khí hậu có hai mùa rõ rệt.

***Câu 2:******Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa được quy định bởi?***

A. Địa hình. B. Địa chất.

C. Thảm thực vật. **D. Vị trí địa lí và gió mùa.**

***Câu 3: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới nửa cầu Bắc nên?***

A. Có mùa đông lạnh. **B. Có nền nhiệt độ cao.**

C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. D. Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

***Câu 4:******Việt Nam có mối quan hệ qua lại thuận lợi với các nước là nhờ?***

A. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. **B. Gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.**

C. Tài nguyên thiên nhiên phong phú. D. Lịch sử dựng nước, giữ nước lâu dài.

***Câu 5:******Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ?***

A. Lãnh thổ kéo dài từ 8º34’B đến 23º23’B nên thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.

B. Nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.

C. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.

**D. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.**

***Câu 2.*** ***Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của nước ta.***

Đặc điểm của vị trí địa lí của nước ta:

***- Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ:***

+ Nằm trên bán đảo Đông Dương, ở gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.

+ Phần lãnh thổ đất liền nước ta kéo dài từ vĩ độ 8°34’B đến vĩ độ 23°23’B và từ kinh độ 102°09’Đ đến kinh độ 109°24’Đ.

+ Vùng biển nước ta kéo dài từ khoảng vĩ độ 6°50’B từ kinh độ 101°Đ đến kinh độ 117°20’Đ trên Biển Đông.

***- Vị trí địa lí của nước ta có các đặc điểm nổi bật:***

+ Nằm trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc, trung tâm hoạt động của gió mùa châu Á.

+ Nằm ở nơi giao nhau của hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

+ Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai và chịu ảnh hưởng mạnh của biến đổi khí hậu.

**3. Bài mới.**

☼ **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

❖ ***Mục tiêu:*** HS dựa vào vốn hiểu biết thực tế về các dạng địa hình ở nước ta mà các em biết, từ đó GV có thể kết nối những kiến thức HS đã có với nội dung bài mới.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** HS: Tham gia trò chơi “Nhìn hình đoán tên”.

• ***GV:*** Tổ chức trò chơi: “THỬ TÀI ĐOÁN TRANH”. GV đưa ra một số hình ảnh về địa hình ở nước ra và yêu cầu HS tham gia trò chơi.

**

**

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Trò chơi: “THỬ TÀI ĐOÁN TRANH”. GV đưa ra một số hình ảnh về địa hình ở nước ra và yêu cầu HS: Tham gia trò chơi “Nhìn hình đoán tên” Đây là dạng địa hình nào ở nước ta.

**°** ***Nhiệm vụ 2.*** Cho biết đặc điểm chung của địa hình Việt Nam? Kể tên một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng ở nước ta?

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Chơi trò chơi.

• ***GV:*** Hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết để HS hoàn thành nhiệm vụ).

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Mời đại diện HS trả lời câu hỏi:

- GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV tóm tắt ý kiến của HS và dẫn dắt vào bài học: Địa hình Việt Nam rất đa dạng, phức tạp và có sự thay đổi từ bắc xuống nam, từ tây sang đông, từ miền núi xuống đồng bằng,… tạo nên các khu vực địa hình khác nhau. Tuy nhiên địa hình nước ta vẫn có những đặc điểm chung. Vậy những đặc điểm chung đó là gì? Hãy kể tên một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng ở nước ta.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  HS vận dụng kiến thức của bản thân để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**° *NV1. Các dạng địa hình:***

*+ Hình 1:* Địa hình núi.

*+ Hình 2:* Địa hình đồi.

*+ Hình 3:* Địa hình đồng bằng.

*+ Hình 4:* Địa hình bờ biển.

*+ Hình 5:* Địa hình hang động.

**° *NV2.*** ***Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam là:***

+ Địa hình đồi núi chiếm ưu thế.

+ Địa hình nước ta được nâng lên ở giai đoạn Tân kiến tạo và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau.

+ Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

+ Địa hình nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của con người.

***- Kể tên một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng ở nước ta:***

+ Dãy núi: Dãy Hoàng Liên Sơn, dãy Trường Sơn Bắc, dãy Trường Sơn Nam,..

+ Cao nguyên: Cao nguyên Mộc Châu, cao nguyên Sơn La, cao nguyên Lâm Viên,…

+ Đồng bằng: ĐB. Sông Hồng. ĐB. Sông Cửu Long. ĐB. Duyên hải miền Trung,…

☼ **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**➀ Hoạt động 1: Đặc điểm chung của địa hình.**

❖ ***Mục tiêu:*** Trình bày được một trong các đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, có thể chia thành bốn nhóm, mỗi nhóm đọc thông tin trong SGK, thảo luận về đặc điểm chủ yếu của địa hình nước ta.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Dựa vào lược đồ và các hình ảnh, đọc thông tin mục II và trả lời câu hỏi.

• ***GV:*** cho HS thảo luận nhóm (4nhóm) theo kĩ thuật mảnh ghép và thực hiện nhiệm vụ.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Dựa vào lược đồ và các hình ảnh, đọc thông tin mục II và trả lời câu hỏi:

**⮚ Vòng 1: Nhóm chuyên gia:**

+ **Nhóm 1**: Chứng minh đặc điểm: Địa hình đồi núi chiếm ưu thế.

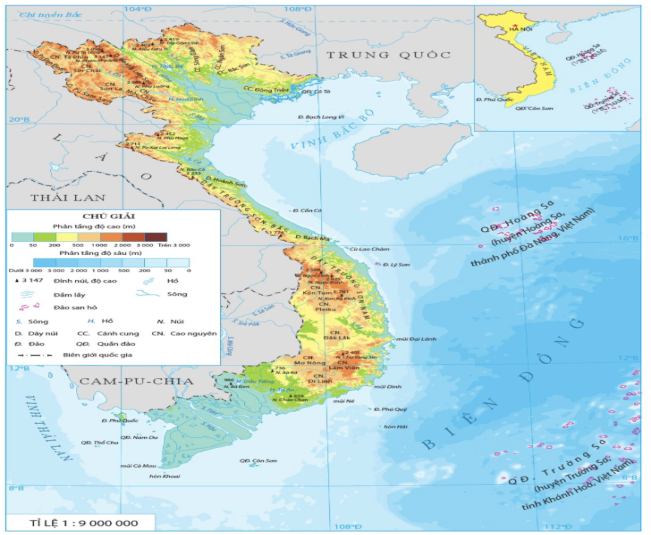
+ **Nhóm 2**: Chứng minh đặc điểm: Địa hình nước ta được nâng lên ở giai đoạn Tân kiến tạo và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau.

+ **Nhóm 3**: Chứng minh đặc điểm: Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

+ **Nhóm 4**: Chứng minh đặc điểm: Địa hình nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của con người.

chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của con người.



******

**⮚ Vòng 2: Nhóm mảnh ghép:**

- Từ các nhóm chuyên gia, GV yêu cầu HS đổi vị trí, hình thành 4 nhóm mới là nhóm mảnh ghép, bằng cách: Trong nhóm chuyên gia, các thành viên tự đếm số thứ tự, những HS có cùng số thứ tự sẽ về chung một nhóm mới.

- Lần lượt các thành viên trong nhóm mới chia sẻ nội dung phiếu học tập đã tìm hiểu trong nhóm chuyên gia cho các bạn trong nhóm. Các thành viên trong nhóm mới thảo luận, phản biện và giải quyết nhiệm vụ mới và thống nhất sản phẩm cuối cùng.

**°** ***Nhiệm vụ 2.*** Đọc thông tin và quan sát các hình từ 2.1 đến 2.5 hãy: Cho biết địa hình nước ta có những đặc điểm chủ yếu nào.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Đọc thông tin, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

• ***GV:*** Theo dõi, hỗ trợ HS, hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết để HS hoàn thành các nhiệm vụ.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Mời đại diện HS trình bày kết quả thảo luận; Mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV tổ chức cho HS đọc nội dung Em có biết? để hiểu rõ hơn về tác động của các vận động tới việc hình thành địa hình nước ta.

***+ Lưu ý:*** Diện tích các đồng bằng nước ta vẫn tiếp tục mở rộng ra biển hằng năm.

- Với đặc điểm 2, liên quan đến hoạt động địa chất, các vận động Cổ kiến tạo, Tân kiến tạo. Quá trình hình thành địa hình nước ta chịu tác động của nhiều nhân tố và phải qua nhiều giai đoạn: sự hình thành nền móng ban đầu ở thời kì Tiền Cambri, tiếp theo là hình thành các đường nét cơ bản để ổn định và mở rộng lãnh thổ ở giai đoạn Cổ kiến tạo, sau đó là sự san bằng địa hình ở vận động Tân kiến tạo. Chính vì vậy, địa hình Việt Nam mới có sự phân bậc, tạo thành nhiều bậc nối tiếp nhau: núi, đồi, đồng bằng, bờ biển, thềm lục địa. Trong các bậc địa hình lại phân thành các bậc nhỏ khác nhau

- Với đặc điểm 3, GV lưu ý cho HS kiến thức đã học ở lớp 6, sự hình thành địa hình là do tác động của cả nội lực và ngoại lực. Nước ta nằm ở khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, điều này làm cho quá trình ngoại lực tác động đến địa hình diễn ra nhanh hơn. Ví dụ: Các quá trình của ngoại lực như: xâm thực, xói mòn, rửa trôi, bồi tụ,... đã làm thay đổi bề mặt địa hình. Ở các vùng núi dốc, đặc biệt là những nơi mất lớp phủ thực vật, vào mùa mưa thường xảy ra các hiện tượng như: sạt lở đất, đất trượt, đá lở, lũ quét,... phá huỷ bề mặt địa hình.

- Với đặc điểm 4, GV cho HS lấy được ví dụ tác động của con người ở cả hai khía cạnh tích cực và tiêu cực. ***Lưu ý:*** GV cũng có thể cho HS cả lớp xem một số tranh ảnh, đoạn phim, video sau đó đặt câu hỏi để HS trả lời.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và chuyển sang nội dung mới.

**1. Đặc điểm chung của địa hình:**

***a. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế:***

- Đồi núi chiếm khoảng 3/4 diện tích đất liền, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp dưới 1000 m.

- Địa hình đồng bằng chỉ chiếm khoảng 1/4 diện tích đất liền, phân bố ở phía đông và phía nam. Các đồng bằng được hình thành do sự bồi đắp phù sa của sông và biển.

***b. Địa hình nước ta được nâng lên ở giai đoạn Tân kiến tạo và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau:***

- Đến Tân kiến tạo, địa hình nước ta tiếp tục được nâng lên và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau. Từ cao xuống thấp có các bậc địa hình chính là đồi núi, đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa.

***c. Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa:***

- Nhiệt độ cao, độ ẩm lớn đã làm cho quá trình phong hoá ở nước ta xảy ra nhanh và mạnh, tạo nên lớp vỏ phong hoá dày, dễ thấm nước và vụn bở.

- Tại các vùng núi đá vôi, tính chất nhiệt đới ẩm thể hiện ở quá trình cac-xtơ diễn ra mạnh mẽ.

- Các quá trình của ngoại lực như: xâm thực, xói mòn, rửa trôi, bồi tụ.... đã làm thay đổi bề mặt địa hình.

***d. Địa hình nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của con người:***

- Các tác động tích cực của con người góp phần bảo vệ địa hình và tăng hiệu quả sản xuất, tạo nên các môi trường nhân tạo mới, tạo cảnh quan đẹp và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Tuy nhiên, con người cũng có những tác động tiêu cực làm thay đổi bề mặt địa hình, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm: Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam là:***

- Địa hình đồi núi chiếm ưu thế.

- Địa hình nước ta được nâng lên ở giai đoạn Tân kiến tạo và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau.

- Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

- Địa hình nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của con người.

**➁Hoạt động 2: Tìm hiểu về các khu vực địa hình:**

❖ ***Mục tiêu:*** Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** Đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về nội dung và nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** Cho HS thảo luận theo nhóm (4 hs/nhóm) theo kĩ thuật khăn trải bàn, thực hiện các nhiệm vụ:

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Nhóm lẻ: Hoàn thành Phiếu học tập số 1:

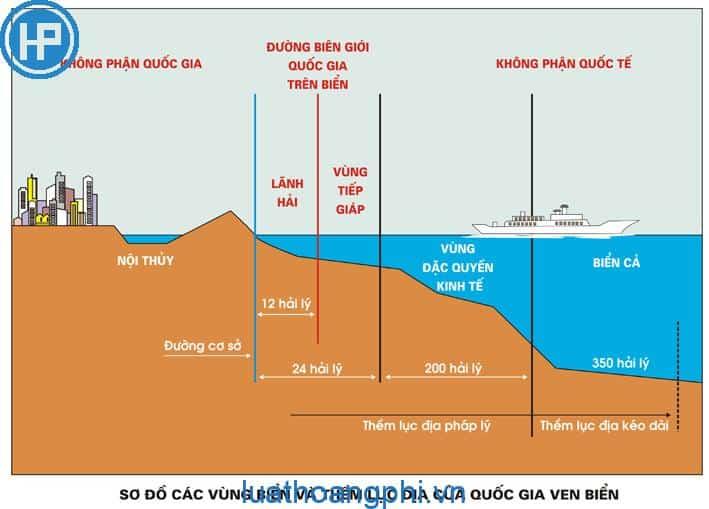
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Nhóm:….** | | | | |
| **Khu vực** | **Đông Bắc** | **Tây Bắc** | **Trường Sơn Bắc** | **Trường Sơn Nam** |
| Phạm vi |  |  |  |  |
| Đặc điểm địa hình |  |  |  |  |
| Hướng địa hình |  |  |  |  |
| Các dãy núi chính |  |  |  |  |

**°** ***Nhiệm vụ 2.***Nhóm chẵn: Hoàn thành Phiếu học tập số 2:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Nhóm:…..** | | | |
| **Khu vực** | **Đồng bằng sông Hồng** | **Đồng sông Cửu Long** | **Các đồng bằng ven biển miền Trung** |
| Diện tích |  |  |  |
| Quá trình hình thành |  |  |  |
| Đặc điểm địa hình |  |  |  |

- GV chiếu video và hình ảnh cho HS quan sát và nêu đặc điểm địa hình bờ biển và thềm lục địa ở nước ta.

<https://www.youtube.com/watch?v=psnNYR3f1b4>



⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Đọc thông tin SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận và trả lời câu hỏi.

• ***GV:*** Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS, trình bày cụ thể nội dung, nhiệm vụ và tổ chức cho HS làm việc nhóm/cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác theo dõi và bổ sung.

**GV Mở rộng:** Địa hình đồi núi nước ta chia thành 4 khu vực: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.

- Hệ thống núi: Hệ thống núi chạy dọc bên bờ Biển Đông, kéo dài trên 1 400 km từ biên giới Việt - Trung đến Đông Nam Bộ. Các dãy núi lan ra sát biển thu hẹp diện tích đồng bằng.

+ Hướng dãy núi: Các dãy núi nước ta có hai hướng chính: hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung.

+ Phân bậc rõ rệt: Hệ thống núi ở nước ta có sự phân bậc rõ ràng, trong đó đồi núi thấp chiếm ưu thế với 60% diện tích cả nước, núi cao trên 2 000 m chỉ chiếm khoảng 1%. Những vùng núi cao địa hình rất hiểm trở, lắm đèo dốc như vùng Tây Bắc, Tây Nguyên,…

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và chính xác hoá nội dung học tập và kết nối vào bài học.

**II. Các khu vực địa hình**

***a. Địa hình đồi núi:***

Địa hình đồi núi nước ta chia thành 4 khu vực: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.

***b. Địa hình đồng bằng:***

**• *Đồng bằng sông Hồng:***

**- *Diện tích:*** 15.000 km2.

***- Đặc điểm:***

+ Nguồn gốc: Được bồi đắp phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

+ Độ cao khoảng 2 - 4m.

+ Trong đồng bằng có nhiều đồi núi sót, chia cắt đồng bằng thành nhiêu ô trũng; còn hệ thống đê biển ngăn nước mặn xâm nhập vào đồng bằng.

**• *Đồng bằng sông Cửu Long:***

***- Diện tích:*** 40 000 km2.

***- Đặc điểm:***

+ Nguồn gốc: Được bồi đắp phù sa từ hệ thống sông Mê Công.

+ Độ cao: Địa hình thấp và tương đối bằng phẳng.

+ Trong đồng bằng còn có nhiều ô trũng lớn, ngập nước hằng năm và ảnh hưởng thường xuyên của thủy triều.

**• *Các đồng bằng ven biển miền Trung:***

***- Diện tích:***15000 km2.

***- Đặc điểm:***

+ Nguồn gốc: được sự bồi đắp phù sa của biển.

+ Đồng bằng hẹp nhỏ, hẹp ngang, dốc và bị chia cắt bởi các dãy núi hướng tây đông.

***c. Địa hình ven biển, thềm lục địa:***

***- Đặc điểm các kiểu địa hình bờ biển nước ta: Có 2 dạng chính:***

+ Bờ biển bồi tụ đồng bằng châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long nhiều bãi bùn rộng, rừng cây ngập mặn phát triển.

+ Bờ biển mài mòn chân núi, hải đảo: khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh nước sâu, kín gió và nhiều bãi cát. Ví dụ: Bờ biển Đà Nẵng, Vũng Tàu.

***- Đặc điểm thềm lục địa nước ta:***

+ Mở rộng tại các vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ, với độ sâu không quá 100m.

+ Thu hẹp và sâu hơn ở vùng biển miền Trung.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh.

**° *NV1.* Phiếu học tập số 1:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Đông Bắc** | **Tây Bắc** | **Trường Sơn Bắc** | **Trường Sơn Nam** |
| ***Phạm vi*** | - Nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng, | - Nằm giữa sông Hồng và sông Cả. | - Nằm từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã. | - Nằm ở phía nam của dãy Bạch Mã. |
| ***Đặc điểm địa hình*** | - Chủ yếu là núi thấp, có hướng vòng cung với bốn cánh cung núi lớn là: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều chụm lại ở Tam Đảo và mở rộng ra phía bắc, phía đông;  - Có các khối núi đá vôi đồ sộ ở Hà Giang, Cao Bằng,....  - Địa hình cac-xtơ của khu vực này chiếm diện tích lớn nhất cả nước. | - Chủ yếu là núi cao, núi trung bình, có hướng tây bắc - đông nam; có nhiều đỉnh núi cao trên 2.000 m.  - Các cao nguyên như: Tả Phìn, Sín Chải, Sơn La, Mộc Châu,... trải dài theo hướng tây bắc - đông nam.  - Khu vực Đông Bắc có các vùng bán bình nguyên và các bồn địa rộng. | - Chủ yếu là núi trung bình và núi thấp, các dãy núi chạy song song và so le nhau, có hướng tây bắc - đông nam.  - Một số dãy núi chạy sát biển, có hướng tây - đông.  - Sườn tây của Trường Sơn Bắc rộng và thoải, sườn đông hẹp và dốc. | - Núi ở khu vực này có dạng khối như: khối núi Kon Tum, khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao đồ sộ  - Có các cao nguyên badan xếp tầng. |
| ***Hướng địa hình*** | Hướng tây bắc - đông nam; vòng cung. | Hướng tây bắc - đông nam. | Hướng tây bắc – đông nam. Một số dãy núi chạy sát biển, có hướng tây - đông. |  |
| ***Các dãy núi chính*** | Một số định núi có độ cao trên 2.000 m là: Tây Côn Lĩnh (2.419 m), Kiều Liêu Ti (2.402 m),... | Hoàng Liên Sơn, có nhiều đỉnh núi cao trên 2.000 m như: Pu Ta Leng (3.096 m), Phu Luông (2.985 m),... Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao | Pu Xai Lai Leng (2.711 m), Rào Có (2.235 m), Khối núi đá vôi Kẻ Bàng… | Ngọc Linh (2.598 m), Chư Yang Sin (2.405m), Ngọc Krinh (2.025 m), cao nguyên Lâm Viên, Di Linh,… |

**° *NV2. Phiếu học tập số 2:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Đồng bằng sông Hồng** | **Đồng sông Cửu Long** | **Các đồng bằng ven biển miền Trung** |
| ***Diện tích*** | Khoảng 15.000 km2 | Khoảng 40.000 km2 | Khoảng 15.000 km2 |
| ***Quá trình hình thành*** | Được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình. | Được bồi đắp chủ yếu bởi phù sa của sông Mê Công. | Được hình thành chủ yếu do sự bồi đắp phù sa của biển. |
| ***Đặc điểm địa hình*** | Đồng bằng bị chia cắt đồng bằng thành các ô trũng, ven biển còn có hệ thống đê biển ngăn nước mặn xâm nhập vào đồng bằng. | - Đồng bằng sông Cửu Long có địa hình thấp và tương đối bằng phẳng với mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.  - Trong đồng bằng còn có nhiều ô trũng lớn, ngập nước hằng năm, có các vùng đầm lầy ở Kiên Giang, Đồng Tháp Mười, Cà Mau. | - Trên bề mặt đồng bằng có nhiều cồn cát lớn.  - Hầu hết các đồng bằng trong khu vực này đều nhỏ, hẹp ngang, dốc và bị chia cắt bởi các dãy núi hướng tây - đông. |

☼ **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

❖ ***Mục tiêu:*** Giúp học sinh củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng bài học, góp phần hình thành kĩ năng mới cho HS.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV nêu nhiệm vụ; HS trả lời để luyện tập các kiến thức đã học.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK và kiến thức bài học để tìm hiểu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** GV nêu yêu cầu: Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng.

***Câu 1:******Đồi núi nước ta chiếm tới?***

**A. 1/4 diện tích lãnh thổ.**  B. 2/3 diện tích lãnh thổ.

C. 3/4 diện tích lãnh thổ. D. 3/5 diện tích lãnh thổ.

***Câu 2:*** ***Địa hình núi cao trên 2.000m ở nước ta chiếm?***

A. 0.1% diện tích lãnh thổ. **B. 1% diện tích lãnh thổ.**

C. 10% diện tích lãnh thổ. D. 2% diện tích lãnh thổ.

***Câu 3:******Khu vực đồi núi nước ta có thế mạnh nào sau đây?***

A. Cây lương thực, cây thực phẩm, chăn nuôi gia cầm.

B. Đánh bắt thủy hải sản, cây ăn quả, cây lương thực.

**C. Khoáng sản, thủy điện, nông lâm nghiệp, du lịch.**

D. Nhiệt điện, cây rau đậu, đánh bắt thủy hải sản.

***Câu 4:*** *Địa hình cao nhất của nước ta được phân bố chủ yếu ở khu vực?*

A. Đông Bắc. **B. Tây Bắc.**

C. Trường Sơn Bắc.D. Trường Sơn Nam.

**Câu 5: Vùng núi Tây Bắc nằm giữa hai hệ thống sông lớn là?**

A. Sông Hồng và sông Mã. B. Sông Cả và sông Mã.

C. Sông Đà và sông Lô. **D. Sông Hồng và sông Cả.**

**°** ***Nhiệm vụ 2.*** Hãy vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm các khu vực địa hình ở nước ta.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

• ***GV:*** GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** GV mời đại diện HS trả lời; Mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

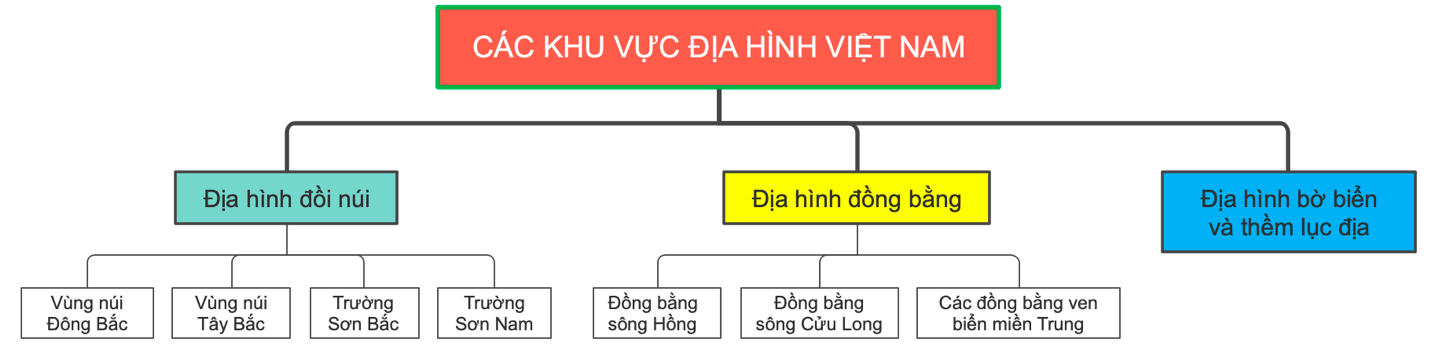
• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ bài học.

❖ ***Sản phẩm:***

**° *NV1.*** ***HS chọn được đáp án đúng cho câu hỏi trắc nghiệm.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** |
| A | B | C | B | D |

**° *NV2.*** ***Vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm các khu vực địa hình ở nước ta.***



☼ **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.** (2 phút)

❖ ***Mục tiêu:*** Thông qua hoạt động, HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn để hiểu sâu sắc hơn nội dung bài học.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV nêu nhiệm vụ; HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK và nội dung bài học để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và thực hiện các bài tập sau:

**°** ***Nhiệm vụ 1.***Địa phương nơi em sinh sống thuộc khu vực địa hình nào? Hãy mô tả đặc điểm địa hình đó.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

• ***GV:*** GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Yêu cầu HS báo cáo kết quả làm việc vào đầu giờ học sau. Mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình.

❖ ***Sản phẩm:***  Câu trả lời của HS trong phần Vận dụng SGK tr.140

**° *NV1.*** ***Địa phương mình đang sinh sống là tỉnh Tây Ninh.***

**- *Tây Ninh*** là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam, với diện tích tự nhiện 4.035,45 km2, dân số khoảng 1.064.000 người.

***- Mô tả đặc điểm địa hình:***

**+** Địa hình Tây Ninh tương đối bằng phẳng, địa chất công trình, tính cơ lý của đất tốt, khi xây dựng nền móng ít tốn kém, rất thuận lợi phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và cơ sở hạ tầng.

+ Địa hình vừa mang đặc điểm của một cao nguyên, vừa có dáng dấp, sắc thái của vùng đồng bằng, Tây Ninh có nhiều vùng địa hình khác nhau như: Vùng địa hình núi (núi Bà Đen cao 986 m, cao nhất Nam Bộ Việt Nam; núi Phụng: 435 m; núi Heo: 289 m và đồi 82: 82 m)…

**4. Nhận xét, dặn dò:**

⯎ ***Đối với bài học ở tiết học này:***

- Học kĩ nội dung bài.

- Làm bài tập Bài 2 trong Sách bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí.

⯎ ***Đối với bài học ở tiết học sau:***

***- Chuẩn bị*** ***bài 3:*** Thực hành: Tìm hiểu về ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.

***+ Tìm hiểu:***

1*.* Tìm hiểu về ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên.

2. Tìm hiểu về ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với khai thác kinh tế.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM:**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

**Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com**

**https://www.facebook.com/groups/vnteach/**

**https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/**

***Bài 3: Thực hành:***

## TÌM HIỂU VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỊA HÌNH ĐỐI VỚI

## SỰ PHÂN HOÁ TỰ NHIÊN VÀ KHAI THÁC KINH TẾ

**(Thời gian thực hiện: 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** Sau bài học này, HS sẽ:

Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế

***2. Phẩm chất:***

***- Chăm chỉ:*** Chăm chỉ học tập, có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.

***- Nhân ái:*** Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.

***- Trách nhiệm:*** Có trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên. Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).

***3. Năng lực:*** Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động tự tìm kiếm thông tin quan đến ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ và khai thác kinh tế,

***- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:*** Thông qua việc chủ động tự tìm kiếm thông tin quan đến ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ và khai thác kinh tế,

***- Năng lực tìm hiểu địa lí:*** Sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet trong học tập.

***- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để tìm được ví dụ chứng minh hướng của sự phân hóa địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và thác kinh tế.

***- Năng lực chung:***

***+ Năng lực tự chủ và tự học:*** Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

***+ Năng lực giao tiếp và hợp tác:*** Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

***+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo:***Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

***1. Giáo viên:***

***- Thiết bị dạy học:*** Máy tính, máy chiếu; Bản đồ địa hình Việt Nam; Hình ảnh khai thác kinh tế ở một số dạng/ khu vực địa hình (đồng bằng, đồi núi, ven biển, …)

***- Học liệu:*** SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 8.

***2. Học sinh:*** Sách giáo khoa, vở ghi. Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp.**

**2. Kiểm tra bài cũ.**

***Câu 1. Làm BT trắc nghiệm:***

***Câu 1:*** ***Việt Nam có khoảng 3/4 diện tích lãnh thổ đất liền là:***

**A. Địa hình đồi núi.** B. Địa hình đồng bằng.

C. Địa hình sông ngòi. D. Địa hình hải đảo.

***Câu 2: Hai đồng bằng lớn nhất nước ta là:***

A. Đồng bằng Tây Bắc và đồng bằng Tây Nguyên.

**B. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.**

C. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng ven biển miền Trung

D. Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng ven biển miền Trung

***Câu 3: Đỉnh Phăn-xi-păng được mệnh danh là:***

**A. Nóc nhà Đông Dương.** B. Nóc nhà châu Á.

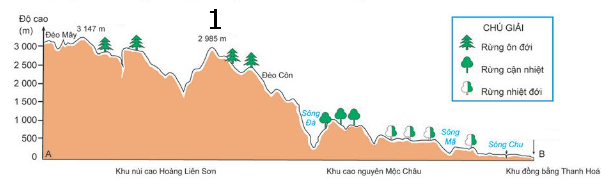
C. Nóc nhà thế giới. D. Đỉnh quang vinh.

***Câu 4: Dải đồng bằng ven biển miền Trung kéo dài từ đâu đến đâu?***

**A. Thanh Hoá đến Bình Thuận.** B. Hà Nội đến Hồ Chí Minh.

C. Hà Tĩnh đến Phú Yên. D. Quảng Nam đến Quảng Ngãi.

***Câu 5: Phần số 1 trong lát cắt địa hình sau là gì?***



A. Phă-xi-păng. **B. Phu Luông.**

C. Dãy núi Tam Điệp. D. Thành phố Thanh Hoá.

***Câu 6: Địa hình nước ta ngày càng chịu tác động mạnh mẽ của con người, tạo nên:***

A. Sự bằng phẳng giữa các vùng miền với nhau

B. Khung cấu trúc địa hình nhân tạo, góp phần làm đẹp cảnh quan.

**C. Nhiều dạng địa hình nhân tạo như đô thị, hầm mỏ, hồ chứa nước, đê, đập,...**

D. Tất cả các đáp án trên.

***Câu 2***. ***Trình bày đặc điểm chung của địa hình Việt Nam? Hãy kể tên một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng ở nước ta?***

***- Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam là:***

+ Địa hình đồi núi chiếm ưu thế

+ Địa hình nước ta được nâng lên ở giai đoạn Tân kiến tạo và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau.

+ Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

+ Địa hình nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của con người.

***- Một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng ở nước ta:***

+ Dãy núi: Dãy Hoàng Liên Sơn, dãy Trường Sơn Bắc, dãy Trường Sơn Nam, ...

+ Cao nguyên: Cao nguyên Mộc Châu, cao nguyên Sơn La, cao nguyên Lâm Viên, …

+ Đồng bằng: ĐB. Sông Hồng. ĐB. Sông Cửu Long. ĐB. Duyên hải miền Trung, …***.***

**3. Bài mới.**

☼ **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG.**

❖ ***Mục tiêu:*** HS dựa vào vốn hiểu biết thực tế sự phân hoá địa hình, từ đó GV có thể kết nối những kiến thức HS đã có với nội dung bài mới.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về nội dung và nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** GV yêu cầu HS Thu thập tư liệu, sưu tầm tranh ảnh, video clip, .... về ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế ở nước ta.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Tìm ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hóa địa hình đối với: Sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Tìm hiểu và thực hiện nhiệm vụ.

- GV

• ***GV:*** Theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết) trình bày cụ thể nội dung, nhiệm vụ và tổ chức cho HS hoàn thành các nhiệm vụ.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Tổ chức, điều hành, lắng nghe, gọi đại diện một số HS phát biểu ý kiến, nhận xét và bổ sung.

**VD: Ảnh hưởng của sự phân hóa địa hình của khu vực Tây Bắc và Đông Bắc:**

***⮚ Ảnh hưởng của sự phân hóa địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên:***

• ***Đối với khí hậu:***

- Khu vực Đông Bắc: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn. Nhiệt độ mùa đông xuống thấp có thể xuống 0℃; mùa hè khí hậu mát mẻ.

- Khu vực Tây Bắc:Khí hậu phân hóa theo độ cao và được dãy Hoàng Liên Sơn ngăn không cho gió mùa Đông Bắc như khu vực Đông Bắc; nên nhiệt độ ấm hơn vùng Đông Bắc 2-3℃.Mùa hè chịu ảnh hưởng của gió phơn ở một số tỉnh ở Tây Bắc.

• ***Đối với sông ngòi:***

- Khu vực Đông Bắc: Các sông thường chảy theo hướng vòng cung như sông Cầu, sông Lục Nam, sông Thương,…

- Khu vực Tây Bắc: Các sông thường chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

• ***Đối với đất:***

- Khu vực Đông Bắc: Chủ yếu là đất Feralit.

- Khu vực Tây Bắc: Chủ yếu là đất Feralit và đất mùn núi cao.

• ***Đối với sinh vật:***

- Khu vực Đông Bắc: Chủ yếu là các sinh vật cận nhiệt đới gió mùa.

- Khu vực Tây Bắc: Chủ yếu là các sinh vật cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới.

• **HS:** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ **Bước 4:** **Kết luận, nhận định.**

• **GV:** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

=> GV tóm tắt ý kiến của HS và dẫn dắt vào bài học.Để tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay - ***Bài 3: Thực hành: Tìm hiểu về ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế.***

• **HS:** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  HS vận dụng kiến thức của bản thân để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

☼ **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**➀ Hoạt động 1:** Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.

❖ ***Mục tiêu:*** GV chia lớp thành các nhóm (4hs/nhóm) thảo luận và tìm ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** HS quan sát hình ảnh, nội dung SGK để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về nội dung và nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** chia lớp thành các nhóm (4 hs/nhóm) thảo luận và tìm ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Tìm ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Đọc thông tin, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

• ***GV:*** Theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ HS, trình bày cụ thể nội dung, nhiệm vụ và tổ chức cho HS làm việc nhóm / cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ.

**⮚ GV gợi ý:**

***1. Ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên:***

***- Đối với khí hậu:*** Sự khác biệt khí hậu giữa hai sườn núi***.*** Sự thay đổi của khí hậu theo độ cao địa hình.

***- Đối với sông ngòi:*** Hướng chảy của sông. Tốc độ dòng chảy của sông.

***- Đối với đất.*** Sự khác nhau về đất ở các khu vực địa hình núi, đồng bằng và ven biển.

***- Đối với sinh vật:*** Thảm thực vật theo độ cao.

***2. Ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với khai thác kinh tế:***

- Các hoạt động khai thác kinh tế ở khu vực đồi núi.

- Các hoạt động khai thác kinh tế ở khu vực đồng bằng và ven biển.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Mời đại diện HS trình bày kết quả thảo luận. Mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Nhận xét, phân tích kết quả sản phẩm học tập của các nhóm, tổng hợp các ý kiến của HS, chính xác hoá nội dung học tập chuyển sang nội dung mới.

***1. Ảnh hưởng của sự phân hóa địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên:***

***a. Đối với khí hậu:***

**- Khu vực Đông Bắc:** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn. Nhiệt độ mùa đông xuống thấp có thể xuống 0℃; mùa hè khí hậu mát mẻ.

**- Khu vực Tây Bắc:** Khí hậu phân hóa theo độ cao và được dãy Hoàng Liên Sơn ngăn không cho gió mùa Đông Bắc như khu vực Đông Bắc; nên nhiệt độ ấm hơn vùng Đông Bắc 2-3℃.Mùa hè chịu ảnh hưởng của gió phơn ở một số tỉnh ở Tây Bắc.

***b. Đối với sông ngòi:***

**- Khu vực Đông Bắc:** Các sông thường chảy theo hướng vòng cung như sông Cầu, sông Lục Nam, sông Thương,…

**- Khu vực Tây Bắc:** Các sông thường chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

***c. Đối với đất:***

**- Khu vực Đông Bắc:** Chủ yếu là đất Feralit.

**- Khu vực Tây Bắc:** Chủ yếu là đất Feralit và đất mùn núi cao.

***c. Đối với sinh vật:***

**- Khu vực Đông Bắc:** Chủ yếu là các sinh vật cận nhiệt đới gió mùa.

**-  Khu vực Tây Bắc:** chủ yếu là các sinh vật cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới.

***2. Ảnh hưởng của sự phân hóa địa hình đối với khai thác kinh tế:***

***a. Khu vực Đông Bắc:***

- Khí hậu mát mẻ, địa hình núi Cacxtơ nhiều hang động nổi tiếng, thuận lợi cho sự phát triển của du lịch.

- Có nhiều khoáng sản, thuận lợi cho phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng.

- Điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp cho sự phát triển của nhiều loại cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả,…

***b. Khu vực Tây Bắc:***

- Dọc biên giới Việt - Trung và Việt - Lào nhiều đỉnh núi, cao nguyên nổi tiếng, thuận lợi cho sự phát triển của du lịch.

- Điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp cho sự phát triển của nhiều loại cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả,…

- Có nhiều đồng cỏ tự nhiên rộng lớn, thuận lợi cho chăn nuôi gia súc.

- Có nhiều khoáng sản, thuận lợi cho phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng.  
- Sông ngòi có tiềm năng lớn về thủy điện.

- Tuy nhiên, địa hình bị chia cắt mạnh, gây khó khăn cho giao thông và cần chú ý đến công tác phòng chống thiên tai (lũ quét, sạt lở đất),…

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:*** Ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.

☼ **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

❖ ***Mục tiêu:*** Giúp học sinh củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng bài học, góp phần hình thành kĩ năng mới cho HS.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.Hoàn thành các câu hỏi, bài tập.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK và kiến thức bài học để tìm hiểu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** Nêu yêu cầu: HS báo báo kết quả làm việc.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Trình bày ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành nội dung bảng.

• ***GV:*** Theo dõi, hỗ trợ HS, trình bày cụ thể nội dung, nhiệm vụ và tổ chức cho HS làm việc nhóm/cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Mời đại diện HS trình bày trước lớp. Mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung => GV đưa ra các tiêu chí đánh giá:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | ***Chấm điểm*** | ***Điểm tuyệt đối*** | ***Điểm chấm*** | | |
| ***Nội dung*** | Nội dung đầy đủ, rõ ràng | 2 |  | |
| Nội dung phong phú, chính xác | 2 |  | | | | |
| Nguồn thông tin đáng tin cậy | 1 |  | | | | | |
| Nhiều dạng thông tin: hình ảnh, số liệu,,.. | 1 |  | | | | | | |
| ***Hình thức*** | Trình bày khoa học | 1 |  |
| Tính thẩm mĩ, sáng tạo | 1 |  | | | |
| ***Báo cáo*** | Trình bày rõ ràng | 1 |  |
| Trả lời câu hỏi chính xác, rõ ràng | 1 |  | | | |
| ***Tổng hợp*** |  | 10 |  | | |

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình đối với bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh.

☼ **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.**

❖ ***Mục tiêu:*** Thông qua hoạt động, HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn để hiểu sâu sắc hơn nội dung bài học.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV nêu nhiệm vụ; HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK và nội dung bài học để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** Yêu cầu HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ sau:

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Lấy ví dụ ảnh hưởng của địa hình tới việc khai thác tài nguyên khoáng sản và phát triển du lịch.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

• ***GV:*** Theo dõi, hỗ trợ HS, trình bày cụ thể nội dung, nhiệm vụ và tổ chức cho HS làm việc nhóm/cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV***: Yêu cầu HS báo cáo kết quả làm việc vào đầu giờ học sau. GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***- Ví dụ ảnh hưởng của địa hình tới việc khai thác tài nguyên khoáng sản:*** Tuy nhiên, hoạt động khai thác và sử dụng khoáng sản đã gây ra các vấn đề tác động tới môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe con người. Trong đó, hậu quả nghiêm trọng nhất là làm cho địa hình thay đổi, mất đất, mất rừng, ô nhiễm nước, ô nhiễm bụi, khí độc, lãng phí tài nguyên. Quá trình vận chuyển, chế biến khoáng sản gây ô nhiễm bụi, khí, nước và chất thải rắn. Đồng thời, sử dụng khoáng sản sẽ gây ra ô nhiễm không khí (SO2, bụi, khí độc...) và ô nhiễm nguồn nước.

***- Ví dụ ảnh hưởng của địa hình tới việc phát triển du lịch:***

***- Địa hình núi*** có ý nghĩa lớn nhất đối với phát triển du lịch, đặc biệt là khu vực thuận lợi cho tổ chức du lịch mùa đông, và các loại hình du lịch thể thao như leo núi, du lịch sinh thái . v.v…. Địa hình bờ, bãi biển là nơi tiếp xúc giữa đất liền và bãi biển do quá trình bồi tụ và các đợt biển tiến, biển lùi,...đã tạo ra nhiều bãi tắm đẹp, thích hợp với loại hình du lịch và nghỉ dưỡng...

*-* ***Địa hình Cax-tơ*** được tạo thành do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hòa tan. Ở Việt Nam, động Phong Nha (Bố Trạch - Quảng Bình) được coi là hang nước đẹp nhất thế giới. Bên cạnh đó chúng ta còn phải kể tới như động Tiên Cung, Đầu Gỗ (Hạ Long), Tam Cốc - Bích Động (Ninh Bình), Hương Tích (Hà Tây) .v.v… đang rất thu hút khách du lịch. Địa hình bờ bãi biển là nơi tiếp xúc giữa đất liền và biển (kho nước lớn của nhân loại). Do quá trình bồi tụ sông ngòi, các đợt biểu tiến và lùi, thủy triều… đã tạo ra nhiều bãi tắm đẹp, thích hợp với loại hình du lịch nghỉ dưỡng biển.

**4. Nhận xét, dặn dò:**

⯎ ***Đối với bài học ở tiết học này:***

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm BT ở phần luyện tập và vận dụng sau bài học/SGK.

⯎ ***Đối với bài học ở tiết học sau:***

- Làm bài tập Bài 3 trong Sách bài tập Lịch sử và Địa lí 8 -Phần Địa lí.

- Đọc và tìm hiểu trước ***Bài 4:*** ***Khoáng sản Việt Nam.***

***+ Tìm hiểu:***

1*.* Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản.

2. Đặc điểm phân bố tài nguyên khoáng sản.

3. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM:**

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**Duyệt của tổ trưởng/tổ phó.**

***Bài 4:***

## KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

**(Thời gian thực hiện: tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.

- Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

***2. Phẩm chất:***

***- Chăm chỉ:*** Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn.

***- Nhân ái:*** Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.

***- Trách nhiệm:*** Có trách nhiệm trong việc sử dụng tiết kiệm, tránh lãng phí các loại tài nguyên khoáng sản**.**

***3. Năng lực:***

***- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:*** Thông qua việc trình bày và giải thích về đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam, phân tích đặc điểm phân bố tài nguyên khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

***- Năng lực tìm hiểu địa lí:*** Thông qua việc sử dụng bản đồ để trình bày sự phân bố của tài nguyên khoáng sản chủ yếu ở nước ta.

***- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*** Thông qua kiến thức bài học vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để liên hệ thực tế nhằm hiểu sâu hơn về việc khai thác và chế biến khoáng sản ở nước ta.

***- Năng lực chung:***

***+ Năng lực tự chủ và tự học:*** biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

***+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo:***Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***+ Năng lực giao tiếp và hợp tác:*** Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

***1. Giáo viên:***

***- Thiết bị dạy học:*** Máy tính, máy chiếu; Bản đồ phân bố một số loại khoáng sản chính ở Việt Nam.

***- Học liệu:*** SGK, sách GV, SBT Lịch sử *và* địa lí 8.

***2. Học sinh:*** Sách giáo khoa, vở ghi. Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp.**

**2. Kiểm tra bài cũ. HS làm BT trắc nghiệm:**

***Câu 1.* *Việt Nam có khoảng 3/4 diện tích lãnh thổ đất liền là:***

**A. Địa hình đồi núi.** B. Địa hình đồng bằng

C. Địa hình sông ngòi. D. Địa hình hải đảo

***Câu 2: Hai đồng bằng lớn nhất nước ta là:***

A. Đồng bằng Tây Bắc và đồng bằng Tây Nguyên.

**B. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.**

C. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng ven biển miền Trung

D. Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng ven biển miền Trung.

***Câu 3: Cao nguyên đá Đồng Văn nằm ở khu vực nào?***

**A. Khu vực Đông Bắc.** B. Khu vực Tây Bắc

C. Khu vực Trường Sơn Bắc. D. Khu vực Trường Sơn Nam

***Câu 4: Dãy Bạch Mã nằm giữa:***

A. Quảng Ninh và Hải Phòng. B. Thái Nguyên và Hà Nội

**C. Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng.** D. Kon Tum và Gia Lai

***Câu 4: Câu nào sau đây không đúng?***

**A. Khu vực Tây Bắc chỉ có các dãy núi thấp, các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi; các cánh đồng thung lũng, …**

B. Khu vực Trường Sơn Bắc: từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã, là vùng núi thấp, hướng tây bắc - đông nam, gồm nhiều dãy núi song song, so le nhau, sườn phía đông hẹp và dốc hơn so với sườn phía tây.

C. Khu vực Trường Sơn Nam: từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ, gồm các khối núi Kon Tum, khối núi cực Nam Trung Bộ, nghiêng về phía đông và nhiều cao nguyên xếp tầng.

D. Dạng địa hình chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng: ở Bắc Bộ có vùng đồi trung du, ở Đông Nam Bộ là dạng địa hình bán bình nguyên.

***Câu 5: Với độ cao trên 1.400 m, dãy Bạch Mã được xem là:***

A. Nơi chuyển tiếp giữa khí hậu vùng núi phía tây và vùng đồng phía đông.

**B. Ranh giới tự nhiên góp phần tạo nên sự khác biệt về khí hậu giữa lãnh thổ phía bắc với lãnh thổ phía nam.**

C. Ngọn núi có vị trí chiến lược trong bảo vệ Tổ quốc nhìn từ phía trung tâm.

D. Tất cả các đáp án trên.

**3. Bài mới.** (36 phút)

☼ **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG.**

❖ ***Mục tiêu:*** HS dựa vào vốn hiểu biết thực tế kể tên một số loại đất ở nước ta mà các em biết, từ đó GV có thể kết nối những kiến thức HS đã có với nội dung bài mới.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về nội dung và nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn?”.

- Cách chơi:

+ Chia lớp thành 4 đội, mỗi đội thực hiện một nhiệm vụ.

+ Trong vòng 2 phút, đội nào kể được nhiều hơn thì đội đó thắng cuộc.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Kể tên các loại khoáng sản có ở nước ta mà em biết.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: hơi trò chơi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

• ***GV:*** Theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ HS, trình bày cụ thể nội dung, nhiệm vụ và tổ chức cho HS làm việc nhóm/cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Mời đại diện HS tham gia trò chơi. GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Đánh giá, nhận xét, công bố kết quả trò chơi.

**-**Một số khoáng sản ở Việt Nam: than, dầu khí, sắt, aptatit, đá vôi,…

- Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam:

+ Tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng.

+ Khoáng sản nước ta có trữ lượng vừa và nhỏ.

+ Sự hình thành khoáng sản ở nước ta gắn với sự hình thành và phát triển của tự nhiên.

***- GV tóm tắt ý kiến của HS và dẫn dắt vào bài học:*** Khoáng sản được coi là nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng, là tiềm lực kinh tế của mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ. Hãy kể tên một số loại khoáng sản ở nước ta mà em biết. Tài nguyên khoáng sản Việt Nam có đặc điểm chung là gì?, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay - ***Bài 4: Khoáng sản Việt Nam.***

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  HS trả lời được câu hỏi.

**° *NV1.*** Một số loại khoáng sản như: Than, dầu mỏ, khí đốt, sắt, vàng, đồng, apatit, đá vôi, thiếc, bô-xit,…

☼ **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**➀ Hoạt động 1: Tìm hiểu về đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản:**

❖ ***Mục tiêu:*** Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV tổ chức cho HS làm việc nhóm. Các nhóm sẽ quan sát hình 4.1 để rút ra được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về nội dung và nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** GV tổ chức cho HS làm việc nhóm (4hs/nhóm) theo kĩ thuật khăn trải bàn.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Các nhóm sẽ quan sát hình 4.1 trình bày đặc điểm chung của khoáng sản, giải thích tại sao nước ta có nguồn khoáng sản đa dạng?

******

**°** ***Nhiệm vụ 2.*** Đọc thông tin và quan sát hình 4.1 hãy: Giải thích tại sao nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Đọc thông tin, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi. HS dựa vào bảng chú giải để thấy được sự đa dạng của khoáng sản.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

***- GV cần lưu ý cho HS:*** Việt Nam có số lượng mỏ khoáng sản nhiều nhưng chủ yếu là các mỏ nhỏ, trữ lượng khoáng sản nước ta so với các nước trên thế giới ở mức thấp.

• ***GV:*** Theo dõi, hỗ trợ HS, trình bày cụ thể nội dung, nhiệm vụ và tổ chức cho HS làm việc nhóm / cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Mời đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.

- GV có thể gợi ý cho hs sự hình thành khoáng sản gắn liền với lịch sử địa chất, kiến tạo lâu dài, phức tạp. Lãnh thổ nước ta hình thành trải qua nhiều chu kì kiến tạo, lại nằm ở vị trí giao nhau của hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải nên có nhiều loại khoáng sản.

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Nhận xét, phân tích kết quả sản phẩm học tập của các nhóm, tổng hợp các ý kiến của HS; GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và chuyển sang nội dung mới.

***1. Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản:***

- Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú và đa dạng, có trên 5.000 mỏ và điểm quặng của khoảng 60 loại khoáng sản khác nhau,

+ khoáng sản năng lượng như: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, ...

+ khoáng sản kim loại như: sắt, đồng, bộ-xit, ...

+ khoáng sản phi kim loại như: a-pa-tit, đá vôi, sét, cao lanh, ...

- Phần lớn các mỏ khoáng sản của nước ta có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn là: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bộ-xit, đá vôi, ...

- Sự hình thành khoáng sản ở nước ta gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của tự nhiên.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh về đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản.

**° *NV1. Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam:***

- Khoáng sản nước ta phong phú và đa dạng. Cả nước phát hiện trên 5000 mỏ và điểm quặng với 60 loại khoáng sản khác nhau.

- Khoáng sản nước ta có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn như: Than đá, dầu mỏ, khí đốt,…

- Sự hình thành khoáng sản ở nước ta gắn với sự hình thành và phát triển của tự nhiên.

**âu hỏi trang 101 Địa Lí 8:**Đọc thông tin và quan sát hình 4.1 hãy: Giải thích tại sao nước ta có nguồn khoáng sản đa dạng.

**° *NV2. Nguồn tài nguyên khoáng sản nước ta đa dạng do:***

- Kết quả của quá trình địa chất kéo dài.

- Vị trí địa lí nước ta nằm ở nơi giao nhau giữa 2 vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

**➁ Hoạt động 2: Tìm hiểu về đặc điểm phân bố tài nguyên khoáng sản:**

❖ ***Mục tiêu:*** HS quan sát hình ảnh, nội dung SGK để phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên khoáng sản.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp; yêu cầu dựa vào nội dung trong SGK, hãy trình bày và giải thích đặc điểm phân bố tài nguyên khoáng sản nước ta.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về nội dung và nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** Tổ chức cho HS làm việc theo cặp; yêu cầu dựa vào nội dung trong SGK, hãy trình bày và giải thích đặc điểm phân bố tài nguyên khoáng sản nước ta.

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Hãy dựa vào nội dung trong SGK, hãy trình bày và giải thích đặc điểm phân bố tài nguyên khoáng sản nước ta.

**°** ***Nhiệm vụ 2.*** Đọc thông tin và quan sát hình 4.1, hãy giải thích nguyên nhân của sự phân bố đó.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Cần dựa vào hình 4.1 để chỉ ra được đặc điểm phân bố tài nguyên khoáng sản.

• ***GV:*** Có thể giảng giải thêm từ sự hình thành của các khoáng sản nội sinh và ngoại sinh để dẫn tới nguyên nhân sự phân bố khoáng sản nước ta.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

***- Lưu ý:*** Một loại khoáng sản có thể được hình thành ở nhiều giai đoạn kiến tạo khác nhau và phân bố ở nhiều nơi, mà không phải chỉ sinh ra ở một thời kì kiến tạo và chỉ phân bố ở một nơi.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc; Các nhóm khác theo dõi và bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Nhận xét, phân tích kết quả sản phẩm học tập của các nhóm, tổng hợp các ý kiến của HS, chính xác hoá nội dung học tập và chuyển sang Hoạt động mới.

***2. Đặc điểm phân bố tài nguyên khoáng sản:***

- Khoáng sản phân bố ở hầu khắp cả nước.

- Một số khoáng sản có trữ lượng đáng kể tập trung ở một số khu vực như:

+ Than đá phân bố chủ yếu ở một số tỉnh, trong đó trữ lượng lớn nhất là ở tỉnh Quảng Ninh. Than nâu phân bố nhiều ở đồng bằng sông Hồng.

+ Dầu mỏ, khí tự nhiên phân bổ chủ yếu ở thềm lục địa nước ta.

+ Bô-xít phân bố nhiều ở các tỉnh thuộc Tây Nguyên.

+ A-pa-tit phân bố nhiều ở tỉnh Lào Cai.

+ Đá vôi có nhiều ở vùng đồi núi phía bắc và Bắc Trung Bộ.

- Sự phân bố khoáng sản ở nước ta có liên quan chặt chẽ với sự phân hoá phức tạp, đa dạng của các hoạt động địa chất nội sinh và ngoại sinh.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ vào bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh về đặc điểm phân bố tài nguyên khoáng sản

**° *NV1.* *Đặc điểm phân bố*** ***khoáng sản ở Việt Nam.***Khoáng sản phân bố ở hầu khắp cả nước. Tuy nhiên, một số khoáng sản có trữ lượng đáng kể tập trung ở một số khu vực như:

- Than đá phân bố chủ yếu ở vùng Đông Bắc, nhiều nhất là ở bể than Quảng Ninh.

- Than nâu phân bố nhiều ở đồng bằng sông Hồng.

- Dầu mỏ, khí đốt phân bố nhiều ở thềm lục địa phía đông nam.

- Bô-xít phân bố nhiều ở vùng Tây Nguyên.

- A-pa-tit phân bố nhiều ở tỉnh Lào Cai.

- Đá vôi có nhiều ở vùng núi phía bắc và vùng Bắc Trung Bộ.

**° *NV2. Giải thích nguyên nhân của sự phân bố đó.***

***Nguyên nhân:***Sự phân bố khoáng sản ở nước ta có liên quan chặt chẽ với sự phân hoá phức tạp, đa dạng của các hoạt động địa chất nội sinh và ngoại sinh.

+ Các mỏ khoáng sản nội sinh thường tập trung tại các đứt gãy sâu với hoạt động uốn nếp và mac-ma diễn ra mạnh mẽ.

+ Các khoáng sản ngoại sinh thường tập trung ở vùng biển nông, thềm lục địa hoặc vùng trũng trong nội địa.

**➂** **Hoạt động 3: Tìm hiểu về vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản:**

❖ ***Mục tiêu:*** HS trình bày được vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** HS quan sát hình ảnh, nội dung SGK để HS làm việc nhóm, tập trung tìm hiểu việc sử dụng tài nguyên khoáng sản ở nước ta và đưa ra một số giải pháp.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK để tìm hiểu về nội dung và nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** Tổ chức cho HS làm việc cá nhân, tập trung tìm hiểu việc sử dụng tài nguyên khoáng sản ở nước ta và đưa ra một số giải pháp.

<https://www.youtube.com/watch?v=n36kQDQnRhU>

**°** ***Nhiệm vụ 1.*** Đọc thông tin và quan sát hình 4.2, hãy trình bày vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản ở nước ta. Lấy ví dụ cụ thể để chứng minh.

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: HS xem tranh ảnh, đoạn phim, video về hiện trạng khai thác khoáng sản, vấn đề ô nhiễm môi trường, lãng phí khoáng sản, ... để rút ra các nhận xét trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản

• ***GV:*** Theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ HS, trình bày cụ thể nội dung, nhiệm vụ và tổ chức cho HS làm việc nhóm/cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Gọi đại diện một số nhóm sử dụng sơ đồ đã hoàn thành để trình bày kết quả làm việc; GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

⮚ ***GV cho HS đọc phần Em có biết SGK/trang 103:*** Ngày 30/11/2010, Quốc hội nước CHXHCN VN ban hành Luật khoáng sản (số 60/2010/QH12), bao gồm những qui định pháp luật trong lĩnh vực nghiên cứu khoáng sản, trong hoạt động bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; thăm dò, khai thác khoáng sản; quản lí Nhà nước về khoáng sản; … Đây là cơ sở pháp lí và bảo vệ, sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản của nước ta.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và chuyển sang Hoạt động Luyện tập.

***3. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản:***

- Khoáng sản không phải là tài nguyên vô tận. Quá trình hình thành khoáng sản cần phải trải qua hàng triệu năm.

- Khoáng sản có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cung cấp nhiên liệu cho đời sống và sản xuất, cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp...

- Hiện nay, việc khai thác và sử dụng khoáng sản còn chưa hợp lí, gây lãng phí, ảnh hưởng tới môi trường và sự phát triển bền vững.

- Để sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên khoáng sản, chúng ta cần:

+ Thực hiện nghiêm Luật Khoáng sản của Việt Nam.

+ Quản lí chặt chẽ việc khai thác khoáng sản để tránh tình trạng thất thoát.

+ Sử dụng khoáng sản tiết kiệm để đảm bảo lợi ích lâu dài của đất nước.

+ Quản lí trữ lượng và sản lượng khai thác.

+ Sử dụng công nghệ khai thác tiên tiến để tránh tình trạng làm ô nhiễm môi trường và nâng cao hiệu quả khai thác.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh về vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

**° *NV1.* *Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản ở nước ta:***

- Khoáng sản có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc khai thác khoáng sản ở Việt Nam còn chưa hợp lí gây lãng phí, ảnh hưởng tới môi trường và sự phát triển bền vững.

***- Biện pháp:***

+ Thực hiện nghiêm Luật khoáng sản của Việt Nam.

+ Quản lí chặt chẽ việc khai thác khoáng sản để tránh tình trạng thất thoát.

+ Sử dụng khoáng sản tiết kiệm để đảm bảo lợi ích lâu dài của đất nước.

+ Quản lí trữ lượng và sản lượng khai thác.

+ Sử dụng công nghệ khai thác tiên tiến để tránh làm ô nhiễm môi trường và nâng cao hiệu quả khai thác.

⮚***Ví dụ:*** ***Việc khai thác cát trái phép trên sông Lô:***

- Nhiều năm qua, sông Lô đoạn chảy qua địa phận tỉnh Tuyên Quang là một trong nhiều điểm nóng về tình trạng khai thác cát trái phép.

- Tình trạng khai thác cát trái phép không chỉ gây thất thoát lớn tài nguyên của quốc gia mà còn để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng đến đời sống của cư dân, ví dụ như: gây tình trạng sụt lún, thiệt hại đến hoa mùa; gây mất an ninh trật tự trong khu vực,…

- Trước tình trạng đó, UBND tỉnh Tuyên Quang đã có nhiều biện pháp cứng rắn nhằm xử lý quyết liệt tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép trên lòng sông Lô.

☼ **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

❖ ***Mục tiêu:*** Thông qua hoạt động, giúp học sinh củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng bài học, góp phần hình thành kĩ năng mới cho HS.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.Hoàn thành các câu hỏi, bài tập để luyện tập các kiến thức đã học.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK và kiến thức bài học để tìm hiểu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** Nêu yêu cầu: Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng.

**°** ***Nhiệm vụ 1. Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng.***

***Câu 1:*** ***Nước ta đã xác định được bao nhiêu mỏ và điểm quặng của các loại khoáng sản?***

A. Hơn 500. **B. Hơn 5.000.**

C. Hơn 20.000. D. Hơn 75.000.

***Câu 2: Hãy nêu hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản ở nước ta.***

A. Nhiều loại khoáng sản của nước ta vẫn chưa được thăm dò, đánh giá đầy đủ tiềm năng và giá trị

B. Một số loại chưa được khai thác, sử dụng hợp lí và hiệu quả, vẫn còn tình trạng khai thác quá mức.

C. Công nghệ khai thác một số loại khoáng sản chưa tiên tiến, gây lãng phí tài nguyên

**D. Tất cả các đáp án trên.**

***Câu 3: Việc phân chia khoáng sản thành các nhóm như khoáng sản năng lượng, khoáng sản kim loại, khoáng sản phi kim loại là phân chia theo:***

A. Giá thành phẩm. **B. Tính chất và công dụng.**

C. Tính năng và hiệu suất sử dụng. D. Màu sắc bề ngoài và tính chất bên trong.

***Câu 4: Sự hình thành và phân bố khoáng sản gắn liền với:***

**A. Lịch sử hình thành và phát triển lâu dài của tự nhiên.**

B. Hoạt động sinh sống, lao động của con người.

C. Hoạt động khai thác bằng máy móc hiện đại.

D. Tất cả các đáp án trên.

***Câu 5: Tài nguyên khoáng sản ở nước ta phân bố như thế nào?***

A. Chỉ tập trung ở vùng núi cao Tây Bắc. **B. Tương đối rộng khắp trong cả nước.**

C. Tập trung chủ yếu ở các đồng bằng châu thổ. D. Tất cả các đáp án trên.

***Câu 6: Đâu không phải vai trò của tài nguyên khoáng sản?***

A. Là nguồn nguyên liệu chính cho nhiều ngành công nghiệp.

B. Góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

C. Cung cấp nhiên liệu cho sản xuất.

**D. Làm tâm điểm cho hoạt động du lịch, giải trí.**

***Câu 7: Để sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản, nước ta cần thực hiện biện pháp nào?***

A. Thực hiện nghiêm Luật Khoáng sản Việt Nam.

B. Áp dụng các biện pháp quản lí chặt chẽ việc thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản; tăng cường trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản.

C. Áp dụng các biện pháp về công nghệ như: sử dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác và chế biến khoáng sản; tăng cường nghiên cứu, sử dụng các nguồn vật liệu thay thế, tài nguyên năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, ...).

**D. Tất cả các đáp án trên.**

**°** ***Nhiệm vụ 2.*** Hãy hoàn thành bảng theo mẫu sau vào vở ghi bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **Khoáng sản** | **Phân bố** |
| Than đá |  |
| Sắt |  |
| Apatit |  |
| Dầu mỏ, khí tự nhiên |  |

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành nội dung bảng.

• ***GV:*** Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Mời đại diện HS trình bày trước lớp:

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá 🠦 bài học.

❖ ***Sản phẩm:***

**° *NV1.*** HS chọn được đáp án đúng cho câu hỏi trắc nghiệm.

**° *NV2.*** Hoàn thành bảng.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Khoáng sản*** | ***Phân bố*** |
| ***Than đá*** | Than đá phân bố chủ yếu ở một số tỉnh, trong đó trữ lượng lớn nhất là ở tỉnh Quảng Ninh. Than nâu phân bố nhiều ở đồng bằng sông Hồng. |
| ***Sắt*** | Phân bố chủ yếu ở các tỉnh phía bắc |
| ***Apatit*** | Phân bố nhiều ở tỉnh Lào Cai. |
| ***Dầu mỏ, khí tự nhiên*** | Chủ yếu ở thềm lục địa nước ta, trong đó trữ lượng lớn nhất là ở thềm lục địa các tỉnh phía nam. |

☼ **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

❖ ***Mục tiêu:*** Thông qua hoạt động, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức để vận dụng, kết nối được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống trong thực tiễn liên quan đến bài học.

❖ ***Nội dung hoạt động:*** GV nêu nhiệm vụ; HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

❖ ***Tổ chức thực hiện hoạt động:***

⯎***Bước 1:*** G**iao nhiệm vụ học tập.**

• ***HS:*** Đọc thông tin trong SGK và nội dung bài học để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

• ***GV:*** Yêu cầu HS thảo luận nhóm và thực hiện các bài tập sau: **Lựa chọn:**Thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau.

**°** ***Nhiệm vụ 1.***Tìm hiểu và giới thiệu về một loại khoáng sản của nước ta. (trữ lượng, môi trường liên quan đến khai thác và sử dụng).

**°** ***Nhiệm vụ 2.*** Tìm hiểu về Luật khoáng sản việt Nam*.*

⯎ ***Bước 2:*** **Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

• ***HS***: Thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

• ***GV:*** Theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ HS, trình bày cụ thể nội dung, nhiệm vụ và tổ chức cho HS làm việc nhóm/cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ.

⯎ ***Bước 3:*** **Báo cáo, thảo luận.**

• ***GV:*** Yêu cầu HS báo cáo kết quả làm việc vào đầu giờ học sau; GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

• ***HS:*** Báo cáo, thảo luận, trình bày kết quả.

⯎ ***Bước 4:*** **Kết luận, nhận định.**

• ***GV:*** Nhận xét, phân tích kết quả sản phẩm học tập của HS, chính xác hoá nội dung học tập và kết thúc bài học.

• ***HS:*** Lắng nghe, nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình ⭢ bài học.

❖ ***Sản phẩm:***  Câu trả lời của HS trong phần Vận dụng SGK tr.140.

**° *NV1.* *Thực hiện nhiệm vụ 1:*** ***Bài tham khảo: Khai thác khoáng sản: A-pa-tit (Lào Cai).***

**⮚ *Thông tin cơ bản về quặng a-pa-tit Lào Cai:***

- Quặng a-pa-tit là một loại quặng phot-phat có nguồn gốc trầm tích biển. Từ quặng phot-phat ban đầu, dưới sự chuyển hóa của các hợp chất hữu cơ thì hình thành nên quặng a-pa-tit-do-lo-mit. Và loại quặng a-pa-tit dolomit thì có trữ lượng lớn và phân bổ chủ yếu ở khu vực tỉnh Lào Cai của Việt Nam. Vì thế mà hoạt động khai thác quặng a-pa-tit ở Lào Cai rất phát triển, các mỏ a-pa-tit Lào Cai có chiều dày lên đến 200m, rộng từ 1 đến 4 km và kéo dài 100 km, từ phía Đông Nam của Lào Cai đến tận khu vực phía Bắc - giáp với biên giới Trung Quốc.

- Các mỏ a-pa-tit ở Lào Cai đều được chia thành 8 tầng theo mặt cắt địa chất, trong đó quặng a-pa-tit nằm chủ yếu ở các tầng 4, 5, 6 và 7. Mỗi tầng thì lại có hàm lượng P2O5 khác nhau, vì vậy mà quặng a-pa-tit ở Lào Cai được chia thành nhiều loại, từ loại I cho đến loại IV. Và đất đá thải trong quá trình khai thác loại quặng a-pa-tit này lại là nguyên liệu cho việc khai thác quặng a-pa-tit loại khác.

**⮚ *Thực trạng khai thác a-pa-tit ở Lào Cai:***

- Quặng a-pa-tit Lào Cai là loại quặng thuộc thành hệ metan photphorit, là thành phần chủ yếu được sử dụng cho ngành công nghiệp sản xuất phân bón chứa lân ở Việt Nam. Vì vậy mà hoạt động khai thác quặng a-pa-tit đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nguyên liệu cho việc sản xuất phân bón.

- Và với lợi thế dồi dào về quặng a-pa-tit nên Lào Cai đã tận dụng triệt để và thực hiện nhiều biện pháp nhằm đảm bảo hoạt động khai thác quặng a-pa-tit chuyển hướng tích cực, tăng cao giá trị đồng thời giải quyết hiệu quả vấn đề việc làm cho người dân địa phương và giúp tăng thu ngân sách nhà nước. Vì vậy mà một kết quả không bất ngờ là số lượng mỏ khai thác quặng a-pa-tit ở Lào Cai có xu hướng tăng dần theo thời gian, giúp nâng cao sản lượng khai thác và nộp ngân sách lên đến hàng chục tỷ đồng.

- Đặc biệt hoạt động khai thác còn được thực hiện theo hướng nhằm ngăn chặn nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên và nhân đôi lợi ích thu được. Cụ thể, các công ty có hoạt động khai thác a-pa-tit ở Lào Cai đều bắt tay vào nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tuyển nổi quặng II và quặng IV sản phẩm thu được đạt chỉ số hàm lượng P2O5 trên 30% nhằm đáp ứng tiêu chuẩn về nguyên liệu để sản xuất phân bón và hoá chất cơ bản. Có thể nói việc ứng dụng công nghệ tuyển chọn lọc từ quặng hàm lượng thấp lên mức có hàm lượng giàu là một bước tiến mới trong hoạt động khai thác quặng a-pa-tit ở Lào Cai, giúp nâng cao lợi ích kinh tế và góp phần kéo dài tuổi thọ của các mỏ quặng a-pa-tit.

- Tuy nhiên, bên cạnh những thành công to lớn đó thì hoạt động khai thác quặng a-pa-tit ở Lào Cai vẫn còn một số tồn tại và hạn chế như: hoạt động khai thác chưa thực sự tuân thủ đầy đủ theo thiết kế mỏ, chưa đảm bảo an toàn lao động, tổn thất tài nguyên trong quá trình khai thác còn lớn, chưa có cơ chế kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác... Những tồn tại trên không chỉ làm giảm hiệu quả của hoạt động khai thác quặng a-pa-tit mà còn gây ô nhiễm môi trường và nguy hại cho đời sống sinh hoạt của người dân.

- Nhận thức được thực tế trên nên các cơ quan chức năng tỉnh Lào Cai tăng cường đẩy mạnh, siết chặt việc quản lý hoạt động khai thác quặng a-pa-tit. Với các biện pháp rõ ràng và được thực hiện mạnh mẽ cùng sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng nên việc khai thác quặng a-pa-tit ở Lào Cai ngày càng đi vào nề nếp và ổn định hơn. Cụ thể hoạt động khai thác a-pa-tit được thực hiện theo đúng tiến độ, tuân thủ đúng thiết kế mỏ, đồng thời đảm bảo được an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

**4. Nhận xét, dặn dò:**

⯎ ***Đối với bài học ở tiết học này:***

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập Bài 4 trong Sách bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí.

⯎ ***Đối với bài học ở tiết học sau:***

***- Chuẩn bị*** ***bài 5:*** Khí hậu Việt Nam.

***+ Tìm hiểu:***

1*.* Thế nào là tính chất nhiệt đới, tính chất gió mùa và tính chất ẩm của khí hậu.

2. Sự phân hóa đa dạng của khí hậu thể hiện như thế nào?

3. Ảnh hưởng của khí hậu đối với các hoạt động kinh tế ra sao?

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM:**

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**Duyệt của tổ trưởng/tổ phó.**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

**Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com**

**https://www.facebook.com/groups/vnteach/**

**https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/**